

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - KHỐI 10

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Ngành nông nghiệp, lâm, thủy sản có vai trò

- A. cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người
- B. cung cấp thiết bị, máy móc cho con người
- C. cung cấp tư liệu sản xuất cho các ngành kinh tế
- D. vận chuyển người và hàng hóa.

Câu 2: Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có đặc điểm

- A. có tính chất tập trung cao độ.
- B. là ngành sản xuất phi vật chất.
- C. phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên.
- D. cung cấp tư liệu sản xuất cho nền kinh tế.

Câu 3. Lí do nào sau đây là quan trọng nhất làm cho các nước đang phát triển, đông dân coi đẩy mạnh nông nghiệp là nhiệm vụ chiến lược hàng đầu?

- A. đảm bảo lương thực, thực phẩm cho con người.
- B. cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm.
- C. sản xuất ra những mặt hàng có giá trị xuất khẩu.
- D. cung cấp hầu hết tư liệu sản xuất cho các ngành.

Câu 4. Sự bùng nổ dân số ở các nước đang phát triển dẫn đến hậu quả nghiêm trọng nhất nào sau đây?

- A. Kinh tế - xã hội phát triển chậm.
- B. Tài nguyên môi trường bị ô nhiễm, suy giảm.
- C. Chất lượng cuộc sống của người dân thấp.
- D. Sức ép lên kinh tế - xã hội và môi trường.

Câu 5. Các yếu tố nào sau đây là nguyên nhân làm cho tỉ suất tử thô trên thế giới tăng?

- A. Điều kiện đất, khí hậu, sông ngòi thuận lợi.
- B. Tiến bộ về mặt y tế và khoa học kĩ thuật.
- C. Chính sách phát triển dân số từng thời kì.
- D. Chiến tranh, thiên tai tự nhiên ở nhiều nước.

Câu 6. Gia tăng cơ học **không** có ảnh hưởng lớn đến vấn đề dân số của

- A. một quốc gia.
- B. một khu vực.
- C. vùng lãnh thổ.
- D. toàn thế giới.

Câu 7. Nhân tố nào sau đây khiến cho tỉ suất sinh cao?

- A. Đời sống ngày càng nâng cao.
- B. Chiến tranh, thiên tai tự nhiên.
- C. Phong tục tập quán lạc hậu.
- D. Chính sách dân số có hiệu quả.

Câu 8. Thước đo phản ánh trung thực, đầy đủ tình hình biến động dân số của một số quốc gia, vùng lãnh thổ là

- A. gia tăng dân số.
- B. gia tăng tự nhiên.
- C. gia tăng cơ học.
- D. tỉ suất sinh thô.

Câu 9. Tiêu chí nào sau đây được sử dụng để thể hiện tình hình phân bố dân cư?

- A. Quy mô số dân.
- B. Mật độ dân số.
- C. Cơ cấu dân số.
- D. Loại quần cư.

Câu 10. Nguyên nhân nào sau đây có tính quyết định đến phân bố dân cư?

- A. Trình độ phát triển sản xuất.
- B. Tính chất của ngành sản xuất.
- C. Các điều kiện của tự nhiên.
- D. Lịch sử khai thác lãnh thổ.

Câu 11. Cơ cấu dân số theo độ tuổi phản ánh

- A. tình hình phân bố sản xuất, khả năng phát triển dân số.
- B. tình hình phát triển kinh tế, nguồn lao động của quốc gia.
- C. chiến lược phát triển kinh tế, nguồn lao động của quốc gia.
- D. khả năng phát triển dân số, nguồn lao động của quốc gia.

Câu 12. Bộ phận cơ bản nhất của cơ cấu nền kinh tế, phản ánh trình độ phân công lao động xã hội và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất là

- A. cơ cấu ngành kinh tế.
- B. cơ cấu thành phần kinh tế.
- C. cơ cấu lãnh thổ.
- D. cơ cấu lao động.

Câu 13. Cơ cấu kinh tế nào sau đây được hình thành dựa trên chế độ sở hữu?

- A. cơ cấu lãnh thổ.
- B. cơ cấu ngành kinh tế.
- C. cơ cấu thành phần kinh tế.
- D. cơ cấu lao động.

Câu 14. Căn cứ vào đâu để phân loại các nguồn lực?

- A. Thời gian và khả năng khai thác.
- B. Vai trò và mức độ ảnh hưởng.
- C. Nguồn gốc và phạm vi lãnh thổ.
- D. Không gian và thời gian hình thành.

Câu 15. Nguồn lực tự nhiên có vai trò như thế nào đối với quá trình sản xuất?

- A. Quyết định việc sử dụng các nguồn lực khác.
- B. Cơ sở tự nhiên của quá trình sản xuất.
- C. Tạo động lực cho quá trình sản xuất.
- D. Ít ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất.

Câu 16. Nguồn lực kinh tế - xã hội nào sau đây quan trọng nhất, có tính quyết định đến sự phát triển kinh tế của một đất nước?

- A. Con người.
- B. Nguồn vốn.
- C. Thị trường.
- D. Công nghệ.

Câu 17. Nguồn lực vốn đầu tư có vai trò

- A. quyết định việc tổ chức sử dụng có hiệu quả nguồn lực khác.
- B. điều kiện cần thiết cho quá trình sản xuất, mở rộng sản xuất.
- C. giúp tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả sử dụng vốn.
- D. cơ sở mở rộng qui mô sản xuất, tăng tích lũy cho nền kinh tế.

Câu 18. Cơ cấu dân số theo trình độ văn hoá phản ánh

- A. học vấn và nguồn lao động.
- B. trình độ dân trí và học vấn.
- C. dân trí và người làm việc.
- D. nguồn lao động và dân trí.

Câu 19. Hiện nay, ở các nước đang phát triển tỉ suất giới của trẻ em mới sinh ra thường cao (bé trai rất nhiều hơn bé gái), chủ yếu là do tác động của

- A. tự nhiên - sinh học.
- B. hoạt động sản xuất.
- C. chính sách dân số.
- D. tâm lí, tập quán.

Câu 20. Đặc trưng nào sau đây **không** đúng với các nước có cơ cấu dân số già?

- A. Thiếu lao động, nguy cơ suy giảm dân số.
- B. Tỉ lệ dân số dưới 15 tuổi thấp, tiếp tục giảm.
- C. Tỉ lệ phụ thuộc cao, gia tăng tự nhiên tăng.
- D. Tỉ suất sinh giảm, tuổi thọ trung bình cao.

Câu 21. Căn cứ vào nguồn gốc, nguồn lực được phân thành

- A. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.
- B. Điều kiện tự nhiên, dân cư và kinh tế.
- C. Vị trí địa lí, tự nhiên, kinh tế - xã hội.
- D. Điều kiện tự nhiên, nhân văn, hỗn hợp.

Câu 22. Tất cả các yếu tố ở bên trong của một nước, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước đó, được gọi là

- A. nguồn lực tự nhiên.
- B. nguồn lực kinh tế - xã hội.
- C. nguồn lực bên trong.
- D. nguồn lực bên ngoài.

Câu 23. Nguồn lực nào sau đây có vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia?

- A. Khoa học công nghệ.
- B. Đường lối chính sách.
- C. Tài nguyên thiên nhiên.
- D. Dân cư và lao động.

Câu 24. Đô thị hóa là một quá trình

- A. làm thu hẹp mạng lưới đô thị.
- B. tập trung dân cư đông ở đô thị nhỏ.
- C. tích cực gắn với công nghiệp hóa.
- D. tiêu cực nếu qui mô của các thành phố quá lớn.

Câu 25. Đặc điểm nào sau đây đúng với quá trình đô thị hoá đang diễn ra trên thế giới hiện nay?

- A. Tỉ lệ dân thành thị tăng nhanh.
- B. Tỉ lệ dân nông thôn không giảm.
- C. Tỉ lệ dân thành thị giảm nhanh.
- D. Tỉ lệ dân nông thôn tăng nhanh.

Câu 26. Ảnh hưởng của đô thị hóa đến kinh tế là

- A. phổ biến văn hóa và lối sống đô thị.
- B. tạo việc làm, tăng thu nhập.
- C. chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- D. thay đổi cơ cấu lao động.

Câu 27. Nhân tố quyết định đến hướng phát triển của đô thị trong tương lai là

- A. sự phát triển kinh tế.
- B. lối sống, mức thu nhập.
- C. chính sách phát triển đô thị.
- D. vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên.

Câu 28. Tỉ suất sinh thô là tương quan giữa số trẻ em sinh ra còn sống trong năm so với dân số trung bình ở

- A. lúc đầu năm.
- B. vào giữa năm.
- C. cùng thời điểm.
- D. vào cuối năm.

Câu 29. Yếu tố có tính quyết định đến việc phân cư trên thế giới không đều là sự khác nhau về

- A. phát triển kinh tế - xã hội.
- B. tâm lí, phong tục tập quán,
- C. các điều kiện thiên nhiên.
- D. lịch sử quần cư, chuyển cư.

Câu 30. Yếu tố nào hiện nay giữ vai trò quan trọng nhất trong việc quyết định tỉ suất sinh?

- A. Phong tục tập quán.
- B. Trình độ phát triển kinh tế.
- C. Chính sách dân số.
- D. Tự nhiên - sinh học.

Câu 31. Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến tỉ suất tử thô trên thế giới có xu hướng giảm là

- A. tiến bộ về y tế và khoa học, kĩ thuật.
- B. điều kiện sống và thu nhập được cải thiện.
- C. sự phát triển kinh tế - xã hội và y tế.
- D. hoà bình trên thế giới được đảm bảo.

Câu 32. GDP và GNI bình quân đầu người là tiêu chí để

- A. đánh giá chất lượng cuộc sống và tuổi thọ ở mỗi quốc gia.
- B. thể hiện sự phụ thuộc vào nền kinh tế, dân cư ở các nước.
- C. thể hiện mức độ tiện nghi, giáo dục và tính chất kinh tế.
- D. đánh giá trình độ phát triển kinh tế và chất lượng cuộc sống.

Câu 33. Dân cư thường tập trung đông đúc ở khu vực nào sau đây?

- A. Đồng bằng phù sa màu mỡ.
- B. Các nơi là địa hình núi cao.
- C. Các bồn địa và cao nguyên.
- D. Thượng nguồn các sông lớn.

Câu 34. Nguồn lực tạo ra những thuận lợi hoặc khó khăn cho việc trao đổi, tiếp cận hay cùng phát triển giữa các quốc gia là

- A. tự nhiên.
- B. ngoại lực.
- C. vị trí địa lí.
- D. kinh tế - xã hội.

Câu 35. Cơ cấu thành phần kinh tế phản ánh được rõ rệt điều gì sau đây?

- A. Trình độ phân công lao động xã hội.
- B. Trình độ phát triển lực lượng sản xuất.
- C. Việc sử dụng lao động theo ngành.
- D. Việc sở hữu kinh tế theo thành phần.

Câu 36. Cơ cấu ngành kinh tế **không** phản ánh

- A. việc sử dụng lao động theo ngành.
- B. trình độ phát triển lực lượng sản xuất.
- C. trình độ phân công lao động xã hội.
- D. việc sở hữu kinh tế theo thành phần.

Câu 37. Quy mô sản xuất nông nghiệp phụ thuộc chủ yếu vào

- A. chất lượng đất.
- B. diện tích đất.
- C. nguồn nước tưới.
- D. độ nhiệt ẩm.

Câu 38. Nhân tố tạo ra nhiều giống mới, tăng năng suất, chất lượng nông nghiệp là

- A. dân cư – lao động.
- B. khoa học – công nghệ.
- C. địa hình, đất trồng.
- D. cơ sở hạ tầng, vật chất kĩ thuật.

Câu 39. Đầu tư nước ngoài nhiều hơn đầu tư ra nước ngoài sẽ có

- A. GDP lớn hơn GNI.
- B. GNI lớn hơn GDP.
- C. GNI/người nhỏ hơn GDP/người.
- D. Tốc độ tăng GDP lớn hơn GNI.

Câu 40. Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa phản ánh

- A. trình độ dân trí và học vấn.
- B. học vấn và nguồn lao động.
- C. nguồn lao động và dân trí.
- D. dân trí và người làm việc.

Câu 41. Các nguồn lực nào sau đây có vai trò quan trọng để lựa chọn chiến lược phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước trong từng giai đoạn?

- A. Lao động, vốn, công nghệ, chính sách.
- B. Lao động, dân cư, công nghệ, đất đai.
- C. Chính sách, khoa học, biển, vị trí địa lí.
- D. Chính sách, khoa học, đất, vị trí địa lí.

Câu 42. Yếu tố nào sau đây là quan trọng nhất làm cho các nước đang phát triển, đông dân coi đẩy mạnh nông nghiệp là nhiệm vụ chiến lược hàng đầu?

- A. Sản xuất ra những mặt hàng có giá trị xuất khẩu.
- B. Cung cấp hầu hết tư liệu sản xuất cho các ngành.
- C. Đảm bảo lương thực, thực phẩm cho con người.
- D. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm.

Câu 43. Vai trò của ngành nuôi trồng thủy sản **không** phải là

- A. cung cấp nguồn đạm động vật bổ dưỡng cho con người.
- B. nguồn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm.
- C. tạo ra các mặt hàng xuất khẩu có giá trị như tôm, cua, cá.
- D. cơ sở đảm bảo an ninh lương thực bền vững của quốc gia.

Câu 44. Đặc điểm nào sau đây là quan trọng nhất đối với sản xuất nông nghiệp?

- A. Sản xuất có đặc tính là mùa vụ.
- B. Đối tượng là cây trồng, vật nuôi.
- C. Sản xuất phụ thuộc vào tự nhiên.
- D. Đất là tư liệu sản xuất chủ yếu.

Câu 45. Trong các nguồn lực kinh tế - xã hội, nguồn lực nào quan trọng nhất, có tính quyết định đến sự phát triển của một đất nước?

- A. Dân số và nguồn lao động.
- B. Thị trường tiêu thụ.
- C. Khoa học kĩ thuật và công nghệ.
- D. Chính sách và xu thế phát triển.

Câu 46: Cơ sở để phân chia nguồn lực thành các nguồn lực bên trong và bên ngoài là

A. nguồn gốc hình thành.

B. tính chất nguồn lực.

C. phạm vi lãnh thổ.

D. xu thế phát triển.

Câu 47. Yếu tố tự nhiên nào quan trọng nhất dẫn đến sự khác nhau về phân bố cây cao su và cây chè?

A. Địa hình.

B. Khí hậu.

C. Đất đai.

D. Nguồn nước.

Câu 48. Sự chênh lệch giữa số người xuất cư và số người nhập cư được gọi là

A. gia tăng dân số.

B. gia tăng cơ học.

C. gia tăng tự nhiên.

D. quy mô dân số.

Câu 49. Đặc điểm nổi bật về cơ cấu ngành kinh tế của các nước phát triển là

A. nông - lâm - ngư nghiệp rất nhỏ, dịch vụ rất lớn. B. dịch vụ rất lớn, công nghiệp - xây dựng rất nhỏ.

C. công nghiệp - xây dựng rất lớn, dịch vụ rất nhỏ. D. nông - lâm - ngư nghiệp rất lớn, dịch vụ rất nhỏ.

Câu 50. Ở các nước đang phát triển chăn nuôi còn chiếm tỉ trọng nhỏ vì

A. cơ sở thức ăn không ổn định.

B. cơ sở vật chất còn lạc hậu.

C. dịch vụ thú y, giống còn hạn chế.

D. công nghiệp chế biến chưa phát triển.

Câu 51. Đây là động lực phát triển dân số thế giới?

A. Gia tăng cơ học.

B. Gia tăng dân số tự nhiên.

C. Tỉ suất sinh thô.

D. Gia tăng dân số tự nhiên và cơ học.

Câu 52. Cơ cấu lãnh thổ gồm có

A. nông - lâm - ngư nghiệp, toàn cầu.

B. toàn cầu và khu vực, vùng, dịch vụ.

C. toàn cầu và khu vực, quốc gia, vùng.

D. công nghiệp - xây dựng, quốc gia.

Câu 53. Nguyên nhân nào sau đây có tác động mạnh mẽ nhất làm cho ở các nước đang phát triển có nam nhiều hơn nữ?

A. Tuổi thọ.

B. Tự nhiên.

C. Kinh tế.

D. Tập quán.

Câu 54. Hoạt động có tác động trực tiếp đến việc phát triển đô thị hoá là

A. công nghiệp.

B. giao thông vận tải.

C. du lịch.

D. thương mại.

Câu 55. Nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến

A. mức độ và tốc độ đô thị hóa.

B. khả năng mở rộng không gian đô thị.

C. quy mô và chức năng đô thị.

D. cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động đô thị.

Câu 56. Mối quan hệ chủ yếu giữa nguồn lực trong nước và nguồn lực nước ngoài trong quá trình phát triển kinh tế được xác định là

A. quan hệ phụ thuộc.

B. quan hệ hợp tác, hỗ trợ.

C. quan hệ cạnh tranh.

D. quan hệ độc lập.

Câu 57. Nguồn lực có thể được khai thác nhằm phục vụ cho

A. sự tiến bộ xã hội của một lãnh thổ nhất định.

B. nâng cao cuộc sống của một lãnh thổ nhất định.

C. phát triển kinh tế của một lãnh thổ nhất định.

D. việc đảm bảo kinh tế của một lãnh thổ nhất định.

Câu 58. Nguồn lực vốn đầu tư có vai trò

A. quyết định việc tổ chức sử dụng có hiệu quả nguồn lực khác.

B. điều kiện cần thiết cho quá trình sản xuất, mở rộng sản xuất.

C. giúp tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả sử dụng vốn.

D. cơ sở mở rộng qui mô sản xuất, tăng tích lũy cho nền kinh tế.

Câu 59. Quá trình chuyển dịch từ một nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp sang một nền kinh tế dựa vào sản xuất công nghiệp gọi là

A. hiện đại hóa.

B. cơ giới hóa.

C. công nghiệp hóa.

D. hóa học hóa.

Câu 60. Nhân tố nào làm giảm tính phụ thuộc vào tự nhiên của nông nghiệp?

A. Quan hệ sở hữu ruộng đất

B. Dân cư lao động

C. Tiến bộ khoa học kỹ thuật

D. Thị trường.

II.TỰ LUẬN

BÀI 21: PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ ĐÔ THỊ HÓA

I. Phân bố dân cư

1. Tình hình phân bố dân cư trên Thế giới

Sự phân bố dân cư	
Công thức tính MĐDS	Tình hình phân bố dân cư trên thế giới
$MĐDS = \text{Dân số} / \text{Diện tích}$ (người/km ²)	- Sự phân bố dân cư trên thế giới không đều trong không gian, biến động theo thời gian. - Con người sống khắp nơi trên bề mặt các lục địa và các đảo, quần đảo giữa đại dương. - Trong một lục địa, khu vực, quốc gia và trong một vùng lãnh thổ của từng quốc gia, phân bố dân cư cũng không đều.

2. Các nhân tố ảnh hưởng đến phân bố dân cư Thế giới

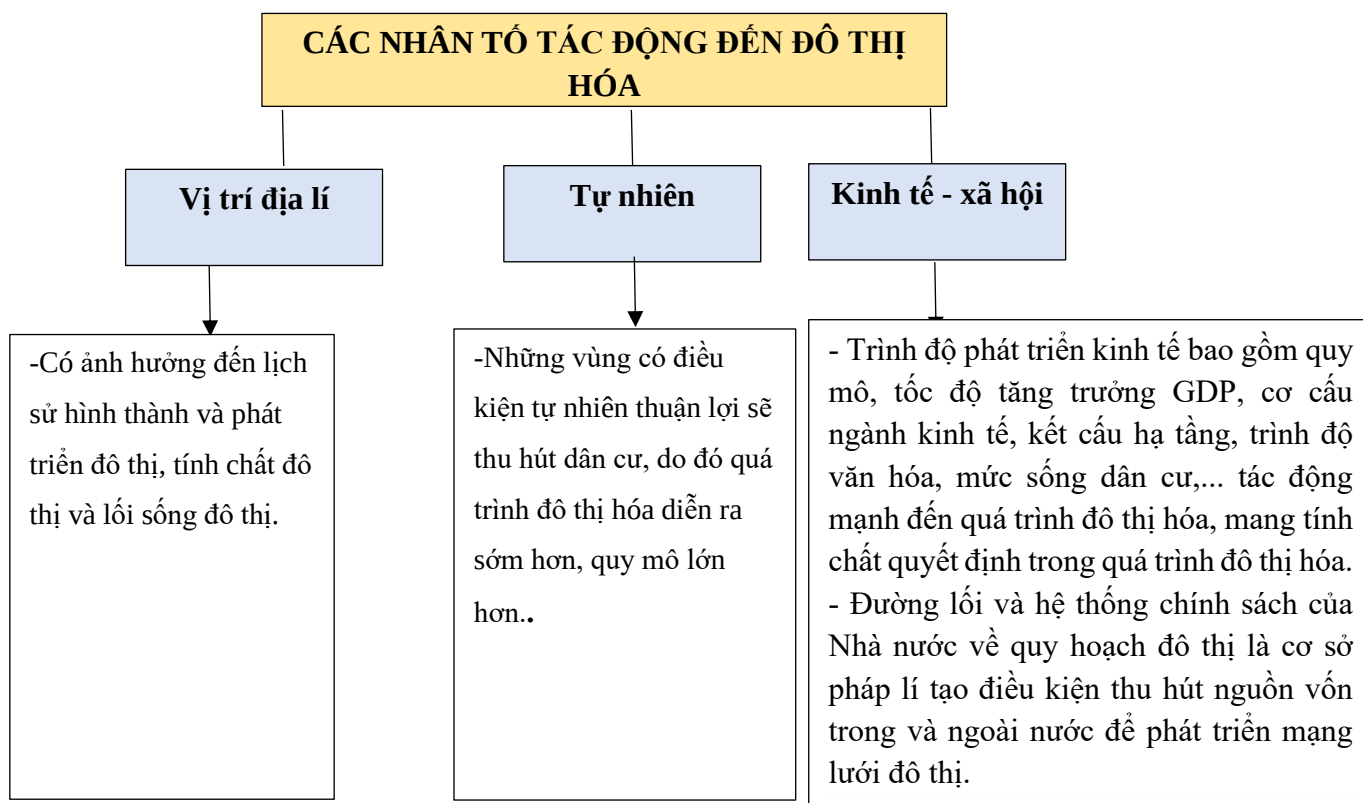
Các nhân tố ảnh hưởng			
Nhân tố tự nhiên	Ảnh hưởng	Nhân tố KT-XH	Ảnh hưởng
-Vị trí địa lí, các điều kiện tự nhiên (khí hậu, nước, địa hình, đất đai,...)	-Tạo thuận lợi hoặc gây khó khăn đến đời sống con người qua đó tác động đến sự phân bố dân cư.	- Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và tính chất của nền kinh tế - Lịch sử khai thác lãnh thổ và chuyển cư	-Có vai trò quyết định trong sự phân bố dân cư. - Những khu vực khai thác lâu đời có dân cư đông đúc hơn những khu vực mới khai thác.

II.Đô thị hóa

1.Khái niệm:

Là quá trình kinh tế - xã hội mà biểu hiện của nó là sự tăng nhanh về số lượng và quy mô của các điểm dân cư đô thị, sự tập trung dân cư trong các thành phố, nhất là các thành phố lớn và phổ biến rộng rãi lối sống thành thị.

2. Các nhân tố tác động đến đô thị hóa



3. Ảnh hưởng của đô thị hóa đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường

	Ảnh hưởng tích cực	Ảnh hưởng tiêu cực
Về kinh tế	- Đô thị hóa góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế. - Làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động. - Tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư,...	- Gây quá tải cơ sở hạ tầng dẫn đến sự phân hóa giàu nghèo giữa các vùng.
Về xã hội	- Tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư,...	- Tạo sức ép lên vấn đề giải quyết việc làm, quản lí hành chính và trật tự an ninh đô thị. - Ở nông thôn sẽ thiếu hụt nguồn lao động, gây ảnh hưởng đến phát triển kinh tế và bảo tồn, gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống.
Về môi trường	- Đô thị hóa mở rộng không gian đô thị và cải thiện cơ sở hạ tầng. - Hình thành môi trường đô thị hiện đại, tiếp cận với các dịch vụ tiện nghi. - Ứng xử văn minh, thực hiện quy định về vệ sinh môi trường tại đô thị,...	- Làm suy giảm đa dạng sinh học, thay đổi địa hình bề mặt, mực nước ngầm,... - Môi trường bị ô nhiễm từ các chất thải trong sản xuất và sinh hoạt các đô thị.

III. KỸ NĂNG

1. Vẽ biểu đồ cột

2. Tính: Mật độ dân số, tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên, tính GDP bình quân đầu người.